

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000009, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/05/2003, lần thứ 3 ngày 26/07/2006, lần thứ 4 ngày 11/10/2007.

Công ty đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu SCC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Cung	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Phong	Thành viên
	Ông Nguyễn Phi Hùng	Thành viên
	Ông Đào Quang Dũng	Thành viên
	Ông Kiều Quang Thành	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Đào Quang Dũng	Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Thương	Phó Giám đốc
	Ông Kiều Quang Thành	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Trọng Quý	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đào Quang Dũng
Giám đốc

Hòa Bình, ngày 2 tháng 8 năm 2012

Số: /2012/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) lập ngày 02/08/2012 được trình bày từ trang số 05 đến trang số 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lưu ý

Việc ghi nhận Vốn và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà với số tiền 1.800.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Nguyễn Quế Dương
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 2 tháng 8 năm 2012

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		27.567.590.294	31.997.722.141
I. Tiền	110		1.657.433.761	1.980.646.402
1. Tiền	111	5.1	1.657.433.761	1.980.646.402
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.800.000.000	5.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	3.800.000.000	5.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.768.113.147	12.723.013.722
1. Phải thu khách hàng	131		11.133.862.772	11.493.024.935
2. Trả trước cho người bán	132		932.924.043	430.221.938
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	3.140.168.906	2.238.609.423
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.438.842.574)	(1.438.842.574)
IV. Hàng tồn kho	140		7.751.430.736	10.208.067.911
1. Hàng tồn kho	141	5.4	7.751.430.736	10.208.067.911
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		590.612.650	1.585.994.106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	-	366.491.319
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	-	214.849.063
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.6	149.952.283	149.952.283
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	440.660.367	854.701.441
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		13.630.536.839	14.768.939.535
II. Tài sản cố định	220		3.991.027.512	4.576.430.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.896.027.512	3.436.430.208
<i>Nguyên giá</i>	222		81.374.923.535	81.374.923.535
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(78.478.896.023)	(77.938.493.327)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.095.000.000	1.140.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(705.000.000)	(660.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.518.000.000	8.518.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	8.518.000.000	8.518.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.121.509.327	1.674.509.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.121.509.327	1.674.509.327
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		41.198.127.133	46.766.661.676

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MÃU B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.726.219.001	14.356.325.995
I. Nợ ngắn hạn	310		10.155.014.147	13.649.942.755
2. Phải trả người bán	312		6.808.691.938	11.025.906.392
3. Người mua trả tiền trước	313		32.017.837	34.622.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	406.648.635	155.498.738
5. Phải trả người lao động	315		860.932.400	991.847.262
6. Chi phí phải trả	316	5.13	467.687.385	242.466.459
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	1.567.970.854	1.080.221.955
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.065.098	119.379.849
II. Nợ dài hạn	330		571.204.854	706.383.240
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		571.204.854	706.383.240
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		30.471.908.132	32.410.335.681
I. Vốn chủ sở hữu	410		30.471.908.132	32.410.335.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15	19.800.000.000	19.800.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.15	(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.15	16.395.567.993	16.395.567.993
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.15	1.969.728.329	1.969.728.329
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15	(6.327.069.620)	(4.388.642.071)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		41.198.127.133	46.766.661.676

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Chỉ tiêu	TM	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		946.109.602	946.109.602

Hòa Bình, ngày 2 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Thu Trang

Vũ Tiến Hưng

Đào Quang Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	19.746.679.533	25.388.149.496
2. Các khoản giảm trừ	02		-	76.045.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.16	19.746.679.533	25.312.104.041
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	19.629.168.964	26.227.675.887
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		117.510.569	(915.571.846)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	732.105.380	89.946.888
7. Chi phí tài chính	22	5.18	6.416.667	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	1.293.922.022	1.007.689.719
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	1.538.333.350	1.684.171.186
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(1.989.056.090)	(3.517.485.863)
11. Thu nhập khác	31	5.21	50.628.541	-
12. Chi phí khác	32	5.21	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		50.628.541	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	(1.027)	(1.863)

Hòa Bình, ngày 2 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Thu Trang

Vũ Tiến Hưng

Đào Quang Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	585.402.696	579.727.698
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(165.926.186)	(82.491.907)
- Chi phí lãi vay	06	6.416.667	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(1.512.534.372)	(3.020.250.072)
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	1.283.790.712	(6.749.999.518)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	2.456.637.175	831.244.478
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(5.269.856.994)	6.939.745.735
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	919.491.319	(3.825.694)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.416.667)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(435.762.854)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(60.250.000)	(82.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.189.138.827)	(2.521.572.925)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	29.628.541	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.300.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	1.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.297.645	82.491.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.865.926.186	1.082.491.907
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.000.000.000	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(323.212.641)	(1.439.081.018)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.980.646.402	1.679.851.174
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.657.433.761	240.770.156

Hòa Bình, ngày 2 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Thu Trang

Vũ Tiến Hưng

Đào Quang Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp với Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 23/11/2002.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000009, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/7/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/10/2007.

Theo đăng ký kinh doanh số 2503000009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/10/2007, vốn điều lệ của Công ty là 19.800.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Tên cổ đông

Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú

Tập đoàn Sông Đà	G10, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ông Đào Quang Dũng	Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Ông Phạm Văn Cung	Số 65, Trần Hưng Đạo, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Ông Nguyễn Công Thương	Tổ 2B, Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Ông Kiều Quang Thành	Tổ 14, Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Vốn Nhà nước	751.700	7.517.000.000	38%
Các cổ đông khác	1.228.300	12.283.000.000	62%

Cộng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khác (khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng)
- Sản xuất bao bì bằng giấy (vỏ bao xi măng);
- Sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật khác (Công nghiệp “vỏ bao che”);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: (Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân);

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất, kinh doanh xi măng và vận chuyển hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính/ Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/5/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ Công ty bằng giá trị thương hiệu Sông Đà và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/5/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà.

Tài sản cố định vô hình nêu trên được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**5.1 Tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	309.181.976	965.418.951
Tiền gửi ngân hàng	1.348.251.785	1.015.227.451
Tổng	1.657.433.761	1.980.646.402

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.800.000.000	5.500.000.000
Tổng	3.800.000.000	5.500.000.000

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	3.140.168.906	2.238.609.423
<i>Cổ tức thủy điện Nậm Mu</i>	<i>525.000.000</i>	<i>525.000.000</i>
<i>Công ty Simco Sông Đà</i>	<i>14.618.058</i>	<i>-</i>
<i>Tiền BHXH, BHYT phải thu của nhân viên</i>	<i>85.490.314</i>	<i>39.644.361</i>
<i>Tiền BHTN phải thu của nhân viên</i>	<i>14.601.174</i>	<i>7.427.630</i>
<i>Lãi tiền gửi và cổ tức đầu tư chứng khoán</i>	<i>141.874.285</i>	<i>141.874.285</i>
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i>	<i>-</i>	<i>204.192.265</i>
<i>Phải thu Cty CP ĐT PT KCN Hải Hà (*)</i>	<i>550.000.000</i>	<i>550.000.000</i>
<i>Công ty Công nghiệp Sản xuất Gạch siêu nhẹ</i>	<i>12.371.748</i>	<i>12.371.748</i>
<i>Nguyễn Công Thương - xưởng Chè</i>	<i>1.053.607.591</i>	<i>333.512.053</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long</i>	<i>650.236.363</i>	<i>141.432.545</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>92.369.373</i>	<i>283.154.536</i>
Tổng	3.140.168.906	2.238.609.423

(*) Khoản tiền Tập đoàn Sông Đà nhận uỷ thác đầu tư của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà để tham gia góp vốn điều lệ đợt 1 vào Công ty CP Đầu tư Phát triển KCN Hải Hà theo Công văn số 195/TCT-TCKT ngày 20/02/2008.

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.710.252.476	4.001.413.132
Công cụ dụng cụ	54.163.468	79.235.223
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.190.549.019	5.599.345.289
Thành phẩm	558.398.500	319.432.404
Hàng hoá	238.067.273	208.641.863
Tổng	7.751.430.736	10.208.067.911

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày đầu kỳ	366.491.319	-
Tăng trong năm	-	677.491.319
Đã kết chuyển chi phí	366.491.319	311.000.000
Tại ngày cuối kỳ	-	366.491.319
	30/06/2012	01/01/2012
Chi tiết theo khoản mục phí	VND	VND
Chi phí vật tư phục vụ sản xuất chờ phân bổ	-	366.491.319
Tổng	-	366.491.319

5.6 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	-	214.849.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	149.952.283	149.952.283
Tổng	149.952.283	364.801.346

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	440.660.367	854.701.441
Tổng	440.660.367	854.701.441

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	42.529.842.069	32.518.614.965	4.848.192.644	1.478.273.857	81.374.923.535
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06	42.529.842.069	32.518.614.965	4.848.192.644	1.478.273.857	81.374.923.535
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	42.118.874.787	31.756.477.151	3.501.394.219	561.747.170	77.938.493.327
Tăng trong kỳ	41.793.282	169.748.880	241.656.678	87.203.856	540.402.696
Khấu hao trong kỳ	41.793.282	169.748.880	241.656.678	87.203.856	540.402.696
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06	42.160.668.069	31.926.226.031	3.743.050.897	648.951.026	78.478.896.023
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	410.967.282	762.137.814	1.346.798.425	916.526.687	3.436.430.208
Tại ngày 30/06	369.174.000	592.388.934	1.105.141.747	829.322.831	2.896.027.512

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 30/06/2012 là 71.295.155.033 đồng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà, được ghi nhận này căn cứ theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/05/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCĐ ngày 19/05/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/05/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà. Tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5. 10 Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 30/06/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Cổ phiếu	Giá trị (VND)	Cổ phiếu	Giá trị (VND)
Công ty CP Thủy điện Nà Loi	46.800	468.000.000	46.800	468.000.000
Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	750.000	7.050.000.000	750.000	7.050.000.000
Công ty CP Sông Đà Tây Đô	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Tổng	896.800	8.518.000.000	896.800	8.518.000.000

Các khoản đầu tư cổ phần với vốn đầu tư dưới 10%. Trong năm 2011, Công ty đã nhận được đầy đủ đăng ký lưu ký và sổ cổ đông.

5. 11 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012		Năm 2011
	VND		
Tại ngày đầu kỳ	1.674.509.327		170.932.821
Tăng trong năm	-		2.137.009.327
Đã kết chuyển chi phí	553.000.000		633.432.821
Tại ngày cuối kỳ	1.121.509.327		1.674.509.327
Chi tiết theo khoản mục phí	VND		VND
Giá trị lắp đặt hệ thống băng tải máy nghiền	-		13.312.727
Chi phí cải tạo và lắp đặt hệ thống lọc bụi khói lò	1.121.509.327		1.661.196.600
Tổng	1.121.509.327		1.674.509.327

5. 12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	271.865.791	-
Thuế thu nhập cá nhân	343.280	343.280
Thuế tài nguyên	36.129.097	41.696.258
Các loại thuế khác	-	113.459.200
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	98.310.467	-
Tổng	406.648.635	155.498.738

5. 13 Chi phí phải trả

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí tiêu thụ xi măng	105.927.760	86.208.304
Trích trước chi phí khuyến mại	180.066.509	156.258.155
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	181.693.116	-
Tổng	467.687.385	242.466.459

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5. 14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	148.592.826	124.833.200
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.109.832.466	291.728.883
Các khoản phải trả, phải nộp khác	309.545.562	663.659.872
<i>Cổ tức phải trả</i>	26.017.165	26.017.165
<i>Các quỹ Sông Đà</i>	81.610.904	146.430.904
<i>Tiền lương phải trả Cán bộ Công nhân viên</i>	35.438.796	29.724.794
<i>Nguyễn Văn Toàn - Phòng TCHC</i>	-	7.344.925
<i>Bảo lãnh dự thầu</i>	10.000.000	10.000.000
<i>Tiền ốm đau, thai sản BHXH cấp</i>	94.671.488	82.475.362
<i>Bùi Công Đoàn - Phòng VTTT</i>	-	1.690.500
<i>Ngô Thái Cơ - Tổ gia công vỏ bao</i>	-	165.044.986
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	61.807.209	194.931.236
Tổng	1.567.970.854	1.080.221.955

5. 15 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết Vốn chủ sở hữu**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	7.517.000.000	7.517.000.000
Vốn của cổ đông khác	12.283.000.000	12.283.000.000
Tổng	19.800.000.000	19.800.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	92.400	92.400

Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức phân phối lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	19.800.000.000	19.800.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Năm 2011
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.980.000	1.980.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.980.000	1.980.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	92.400	92.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.887.600	1.887.600
+ Cổ phiếu phổ thông	1.887.600	1.887.600
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại 01/01/2011	19.800.000.000	(1.366.318.570)	1.969.728.329	16.395.567.993	(898.262.045)	35.900.715.707
Tăng trong năm	-	-	-	-	(3.490.380.026)	(3.490.380.026)
Lợi nhuận sau thuế 2011	-	-	-	-	(3.490.380.026)	(3.490.380.026)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	19.800.000.000	(1.366.318.570)	1.969.728.329	16.395.567.993	(4.388.642.071)	32.410.335.681
Tại 01/01/2012	19.800.000.000	(1.366.318.570)	1.969.728.329	16.395.567.993	(4.388.642.071)	32.410.335.681
Tăng trong năm	-	-	-	-	(1.938.427.549)	(1.938.427.549)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(1.938.427.549)	(1.938.427.549)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại 30/06/2012	19.800.000.000	(1.366.318.570)	1.969.728.329	16.395.567.993	(6.327.069.620)	30.471.908.132

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	19.646.687.737	20.055.615.769
Doanh thu khác	99.991.796	5.332.533.727
Tổng	19.746.679.533	25.388.149.496
Các khoản giảm trừ	-	76.045.455
- Hàng bán bị trả lại	-	76.045.455
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.746.679.533	25.312.104.041

5.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hoá	19.539.891.563	20.839.407.553
Giá vốn khác	89.277.401	5.388.268.334
Tổng	19.629.168.964	26.227.675.887

5.18 Doanh thu tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	136.297.645	82.491.907
Lãi tiền gửi có kỳ hạn (tạm hạch toán)	595.807.735	-
Lãi tài khoản lưu ký	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	7.454.981
Tổng	732.105.380	89.946.888
Chi phí tài chính	-	-
Lãi vay Ngân hàng	6.416.667	-
Tổng	6.416.667	-
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động tài chính	725.688.713	89.946.888

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. 19 Chi phí bán hàng

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	11.555.384	39.079.000
Chi phí vật liệu, bao bì	77.232.572	121.880.884
Chi phí tiếp thị khuyến mại	523.344.479	304.625.682
Chi phí khấu hao TSCĐ	137.758.470	130.258.470
Chi phí bằng tiền khác	544.031.117	411.845.683
Tổng	1.293.922.022	1.007.689.719

5. 20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	966.927.322	981.993.313
Chi phí vật liệu quản lý	111.456.196	88.192.643
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.239.465	38.364.238
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.203.856	89.028.858
Thuế, phí và lệ phí	101.341.096	95.538.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.572.571	90.883.865
Chi phí bằng tiền khác	142.592.844	300.170.021
Tổng	1.538.333.350	1.684.171.186

5. 21 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ bán thanh lý phế liệu	29.628.541	-
Thu hỗ trợ từ mua hàng.	21.000.000	-
Tổng	50.628.541	-
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	50.628.541	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.22 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	-

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.938.427.549)	(3.517.485.863)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	1.887.600	1.887.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(1.027)	(1.863)

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.245.367.352	16.676.813.260
Chi phí nhân công	3.936.662.203	4.595.202.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	767.095.812	914.904.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.669.004.788	2.740.794.311
Chi phí khác bằng tiền	2.381.041.440	1.188.288.322
Tổng	23.999.171.595	26.116.002.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**6.1 Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	42.600.000	30.600.000
Lương Ban Giám đốc	156.724.449	152.358.582
Tổng	199.324.449	182.958.582

6.2 Giao dịch với các bên liên quan khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>		
Công ty Cổ phần dịch vụ SUDICO	-	29.818.182
Tổng	-	29.818.182

Giao dịch mua hàng

Xí nghiệp Sông Đà 12.7 - Công ty Sông Đà 12	-	1.094.307.490
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	461.818.182	-
Tổng	461.818.182	1.094.307.490

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
--	-------------------	-------------------

Các khoản phải thu

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 1 tại Hà Nội	170.882.146	170.882.146
--	-------------	-------------

Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	141.432.545
---------------------------------	---	-------------

Các khoản phải trả

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	4.227.439.700	4.349.238.172
Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	350.000	350.000

Tổng	4.227.789.700	4.349.588.172
-------------	----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<u>Tài sản tài chính</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.657.433.761	1.980.646.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.768.113.147	12.723.013.722
Đầu tư ngắn hạn	3.800.000.000	5.500.000.000
Đầu tư dài hạn	8.518.000.000	8.518.000.000
Tổng	27.743.546.908	28.721.660.124
<u>Công nợ tài chính</u>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	9.687.326.762	13.407.476.296
Chi phí phải trả	467.687.385	242.466.459
Tổng	10.155.014.147	13.649.942.755

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cả hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số dư tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hòa Bình, ngày 2 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Thu Trang

Vũ Tiên Hưng

Đào Quang Dũng